TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 26-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - T PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thường

Ông Phạm Văn Tỵ

- ***T ký phiên toà***: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký, Toà án nhân dân huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/ HSST- QĐ ngày 26 tháng 2 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1986, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn V, xã Q , huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị T; có vợ: Vũ Thị S, chưa có con; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 15/2017/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn C 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo ra trại ngày 22 tháng 9 năm 2017; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14 tháng 11 năm 2018, bắt tạm giam ngày 26 tháng 3 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: H, phường Q, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xin vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng Viết T, ông Nguyễn Văn M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 11 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Văn C đi xe đạp điện từ nhà đến hiệu chụp ảnh V ở thôn C, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để chụp ảnh.Tại đây, sau khi ông Nguyễn Văn M (chủ hiệu ảnh), sinh năm 1956 chụp ảnh cho C xong thì chị Phạm Thị T, (con gái ông M) đi về. Chị T đi vào phòng khách nhà ông M và đặt túi nilong bên trong có chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S màu vàng trắng trên ghế đơn tại phòng khách rồi đi dọn dẹp phòng khách và phòng chụp ảnh (cạnh phòng khách). Lúc này tại phòng khách chỉ còn C và ông M. Lợi dụng lúc ông M đang cắt ảnh, C đã trộm cắp chiếc điện thoại trên của chị T rồi cất vào túi quần bên trái và lên xe đạp điện đi đến quán cầm đồ ở thị trấn An Dương bán cho ông Hoàng Viết T, sinh năm 1956 ở số 94, tổ, thị trấn A với giá 800.000 đồng. C đã chi tiêu cho bản thân hết 110.000 đồng và đã giao nộp cho Cơ quan Công an 690.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được bao gồm: Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại cửa hàng điện thoại ông Hoàng Viết T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng trắng; số tiền 690.000 đồng Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp (sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương ngày 01 tháng 10 năm 2018 kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu vàng trắng, đã qua sử dụng có giá trị 1.558.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận:

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, sau khi phát hiện thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S màu vàng trắng để trong 01 túi nilong của con gái chủ hiệu chụp ảnh Văn M ở thôn C, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để ở phòng khách bị cáo đã nẩy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trên. Lợi dụng lúc không ai để ý bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại nói trên và mang đến hiệu cầm đồ bán như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật, việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng người đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn văn C phải nộp lại số tiền 110.000đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 690.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng đã có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, bị hại và người làm chứng đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Về các chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị T tại thôn C, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng 01 chiếc điện thoại di động theo kết luận định giá tài sản có giá trị 1.558.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân

huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội " Trộm cắp tài sản ", tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sau khi chấp hành án xong hình phạt của bản án trước, trong một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo vi phạm Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nên hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt*:*

[5] Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Phạm Thị T là 1.558.000 đồng, tuy nhiên do trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị T bị cáo có có 01 tiền án tại Bản án số 15/2017/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn C 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo ra trại ngày 22 tháng 9 năm 2017. Tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa được xoá án tích nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xét tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu vàng trắng, đã qua sử dụng, số tiền 690.000đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại nói trên cho chị Phạm Thị T

nên không còn gì phải xét. Đối với số tiền 690.000đồng hiện Cơ quan Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đang quản lý. Theo bị cáo trình bày số tiền trên là khoản tiền bị cáo đã bán chiếc điện thoại. Xét số tiền trên là khoản tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

[10] Chị Phạm Thị T đã nhận lại chiếc điện thoại di động và không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Số tiền 800.000đồng ông Hoàng Viết T giao cho bị cáo để mua chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt của chị T. Ông T có quan điểm không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trong số tiền 800.000đồng theo bị cáo trình bày bị cáo đã chi tiêu cho bản thân hết 110.000đồng. Do số tiền này là khoản tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải nộp lại khoản tiền 110.000đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với ông Hoàng Viết T là người mua chiếc điện thoại của C nhưng ông T không biết đó là tài sản do C trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật**.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Văn C 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 26 tháng 03 năm 2019. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn C.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp số tiền 110.000đồng là khoản tiền thu lời bất chính để nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền thu lời bất chính thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 690.000đồng là khoản tiền thu lời bất chính do bị cáo C phạm tội mà có, Cơ quan Điều tra Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (Biên lai thu tiền số 0001727 ngày 30 tháng 01 năm 2019).

(*Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đang quản lý).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương